

Bản án số: 187/2024/DS-ST

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Sơn

Ông Nguyễn Văn Kịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” thụ lý số 86/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2024/QĐXXST-DS, ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 271/2024/QĐST-DS ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T

- Ông Đinh Hoàng V

Cùng địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 02/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H là hui viên có tham gia 02 dây hui do vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Đinh Hoàng V làm chủ hui, Dây 1 Hui tháng 5.000.000 đồng mở ngày

01/3/2021 âm lịch, có 25 phần, ông H tham gia 01 phần (tên trong danh sách hội là “Cậu T1 Bác Sáu”, đã đóng hội sống 20 lần, số tiền tính theo lãi hội là 100.000.000 đồng; đến ngày 24/11/2022 thì chủ hội không khai hội nữa, nên bà T, ông V còn nợ ông H 100.000.000 đồng; Dây 2 Hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 01/4/2021 âm lịch, có 25 phần, ông H tham gia 02 phần (tên trong danh sách hội là “Cậu T1 Bác S”), đã đóng hội sống 19 lần, số tiền tính theo lãi hội là 76.000.000 đồng; đến ngày 24/11/2022 thì chủ hội không khai hội nữa, nên bà T, ông V còn nợ ông H 76.000.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hội tính đến thời điểm chủ hội ngừng khai hội thì bà T, ông V còn nợ ông H 176.000.000 đồng. Sau đó, trong khoảng thời gian từ ngày 23/02/2023 đến ngày 18/11/2023 âm lịch, bà T, ông V có trả dần cho ông H 06 lần với tổng số tiền là 26.000.000 đồng. Như vậy đến nay bà T, ông V còn nợ ông H 150.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện ban đầu ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, tại phiên tòa, ông H tự nguyện giảm trừ tiền hoa hồng cho chủ hội đối với D hội 1 là 2.500.000 đồng và Dây 2 có 02 phần là 2.000.000 đồng, nên số tiền ông H yêu cầu bị đơn trả được giảm xuống còn 145.500.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi, không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hội giữa các bên đương sự thấy rằng cả ông H, bà T và ông V đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hội giữa các đương sự là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có lãi và hưởng hoa hồng là có thật, phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với phía bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, nhưng bà T và ông V không có ý kiến trả lời. Tòa án đã tham khảo một số vụ án dân sự cùng thời điểm khởi kiện của nguyên đơn là những người cùng tham gia dây hội chung được biết việc bà T, ông V tổ chức các dây hội không duy trì đến mãn và có sự tham gia của ông H là có thật, phù hợp với giấy hội mà nguyên đơn cung cấp, bà T và ông V cũng là người bị kiện trong một số vụ án khác đã và đang được Tòa án giải quyết; mặt khác bà T và ông V không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp hòa giải, xét xử thì được coi là bà T và ông V đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; mặt

khác, xét về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình, thì vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi và nghĩa vụ để thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về lỗi: Bà **T** và ông **V** là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ do tổ chức các dây hụi mà không duy trì được đến ngày hụi mãn, số tiền góp hụi, lĩnh hụi của các hụi viên chưa được thanh toán đầy đủ; chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà **T** và ông **V** đã trực tiếp gây thiệt thòi đến quyền lợi của ông **H**, nên việc ông **H** khởi kiện là có căn cứ.

[5] Đối với việc thay đổi khởi kiện giảm số tiền yêu cầu bị đơn phải trả, cụ thể là khi khởi kiện ban đầu ông **H** yêu cầu bà **T** và ông **V** phải trả 150.000.000 đồng, nay giảm xuống còn 145.500.000 đồng là để hỗ trợ tiền hoa hồng cho chủ hụi số tiền 4.500.000 đồng, xét thấy việc thay đổi khởi kiện này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và theo hướng có lợi cho bị đơn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định bà **T** và ông **V** còn nợ ông **H** 145.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà **T** và ông **V** phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông **H** số tiền này theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 18, 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 145.500.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đinh Hoàng V phải liên đới chịu án phí số tiền 7.275.000 (bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2.2. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003645 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu